

Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của sinh viên kế toán

Võ Phạm Đan Trinh, Nguyễn Hoàng Yến, Nguyễn Bảo Yến,
Huỳnh Thị Bé Tư, Ngô Thị Ngọc Ánh, Lê Thị Bảo Như*
Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Bài báo xem xét đến các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên kế toán tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Bằng cách khảo sát 104 sinh viên ngành kế toán các trường đại học trên địa bàn TP.HCM và hồi quy bằng phần mềm SPSS, kết quả nghiên cứu cho thấy quy định pháp luật là nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến nhận thức đạo đức của sinh viên, góp phần đáng kể trong việc hình thành hành vi đạo đức của sinh viên. Tiếp theo là nhân tố đặc điểm cá nhân và nhân tố chương trình giáo dục, còn nhân tố văn hóa xã hội hầu như không tác động đến nhận thức của sinh viên kế toán ở địa bàn này. Dựa trên các kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên kế toán tại các trường đại học trên địa bàn TP.HCM.

Từ khóa: kế toán, sinh viên, nhận thức đạo đức, Thành phố Hồ Chí Minh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp đối với các kế toán viên ngày càng trở nên cần thiết và quan trọng, nhất là khi đó là yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến tính minh bạch các thông tin tài chính của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế vẫn cho thấy nhiều trường hợp vi phạm các đạo đức trong nghề, dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Theo báo cáo "2020 Global Fraud Study: Report to the Nations" của ACFE (Association of Certified Fraud Examiners) phát hành, có đến khoảng 5 - 7% doanh thu hàng năm của các tổ chức bị mất mát do gian lận, bao gồm nhiều loại gian lận khác nhau, trong đó gian lận tài chính và kế toán chiếm phần lớn [1]. Trong những năm gần đây, nhiều vụ việc gian lận tài chính và vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán tại Việt Nam đã được phát hiện và xử lý, gây tổn thất lớn cho doanh nghiệp và làm suy giảm niềm tin của xã hội đối với thông tin tài chính, chẳng hạn như Công ty Tân Hoàng Minh, Công ty Vạn Thịnh Phát, Công ty FLC, Công ty gỗ Trường Thành... Vì vậy, sinh viên ngành kế toán cần được trang bị đầy đủ nhận thức về đạo đức

nghề nghiệp ngay từ giai đoạn đào tạo là hết sức cần thiết.

Việc giảng dạy chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đúng cách ảnh hưởng rõ rệt đến khả năng ra quyết định đạo đức của sinh viên [2]. Bài nghiên cứu không chỉ dừng lại ở xác định các yếu tố đã được biết đến như môi trường học tập hay chương trình giảng dạy, mà sẽ kết hợp với những thay đổi trong yêu cầu đạo đức của doanh nghiệp, sự thay đổi trong văn hóa xã hội và tác động của các quy định pháp luật hiện hành ảnh hưởng đến hành vi đạo đức của các sinh viên kế toán [3]. Điều này giúp không chỉ đánh giá được mức độ nhận thức và ứng xử của sinh viên trong môi trường học tập mà còn phản ánh được những thách thức và yêu cầu đạo đức trong môi trường làm việc thực tế sau khi ra trường.

Đã có nhiều nghiên cứu về nhận thức đạo đức kế toán, tuy nhiên, các nghiên cứu trước thường tập trung nghiên cứu đạo đức nghề nghiệp của nhân viên kế toán trong doanh nghiệp [4, 5], hoặc sinh viên tại trường đại học cụ thể như Trường Đại học Thủ Dầu Một [6], Trường Đại học Kiên Giang [7]...

Tác giả liên hệ: Lê Thị Bảo Như

Email: ltbnhu@sgu.edu.vn

Việc nghiên cứu về đạo đức của sinh viên kế toán trên địa bàn TP.HCM vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này đóng góp bằng cách xây dựng và kiểm định một mô hình tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên ngành kế toán trong bối cảnh TP.HCM, trung tâm đào tạo và kinh tế lớn của cả nước. Bên cạnh đó, bài báo cũng đưa ra những nhận định và giải pháp thiết thực giúp sinh viên nâng cao năng lực hành vi và xử lý các tình huống đạo đức trong thực tế nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, từ đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế toán. Vì vậy, việc nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức đạo đức kế toán của sinh viên ngành Kế toán là một vấn đề cấp thiết và mang tính thời sự trong giáo dục đại học hiện nay.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Lý thuyết về sự phát triển đạo đức

Lý thuyết phát triển đạo đức của Kohlberg (1969) cho rằng sự hình thành nhận thức đạo đức của cá nhân diễn ra thông qua các giai đoạn kế tiếp nhau, phản ánh cách con người đưa ra phán đoán và lựa chọn hành vi khi đối diện với các tình huống mang tính đạo đức. Theo cách tiếp cận này, sự phát triển đạo đức không xảy ra đột ngột mà tiến triển dần từ những chuẩn mực đơn giản đến các nguyên tắc đạo đức mang tính phổ quát hơn [8].

Kohlberg (1969) xác định cấp độ phát triển đạo đức đầu tiên là tiền quy ước (Preconventional Morality). Ở cấp độ này, đạo đức được xác định hoàn toàn từ bên ngoài, dựa trên việc tránh hình phạt và nhận phần thưởng/lợi ích trực tiếp. Cá nhân chưa hiểu hoặc chưa chấp nhận các quy tắc xã hội hay chuẩn mực đạo đức nội tâm.

Cấp độ thứ hai là đạo đức quy ước (Conventional morality), phản ánh sự thay đổi trong nhận thức đạo đức khi cá nhân bắt đầu hành động dựa trên các chuẩn mực xã hội, kỳ vọng của gia đình và cộng đồng. Các quyết định đạo đức ở cấp độ này thường nhằm vào việc duy trì trật tự xã hội và đáp ứng các chuẩn mực văn hóa được thừa nhận.

Cấp độ cao nhất là đạo đức hậu quy ước (Post-conventional morality), trong đó cá nhân đánh giá các vấn đề đạo đức dựa trên những nguyên tắc phổ quát như công bằng, quyền con người và các giá trị

đạo đức chung, ngay cả khi những nguyên tắc này có thể mâu thuẫn với luật lệ hay quy định hiện hành. Ở giai đoạn này, cá nhân sẵn sàng chấp nhận rủi ro hoặc hậu quả cá nhân để bảo vệ các giá trị đạo đức mà họ tin tưởng.

Theo Kohlberg (1969), mức độ phát triển đạo đức của mỗi cá nhân chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm độ tuổi, trình độ giáo dục và kinh nghiệm sống. Do đó, cách cá nhân đưa ra phán đoán đạo đức có thể khác nhau tùy thuộc vào quá trình phát triển và môi trường xã hội mà họ trải qua [8].

2.2. Các khái niệm nghiên cứu

2.2.1. Đặc điểm cá nhân

Đặc điểm cá nhân được hiểu là những yếu tố tâm - sinh lý mang tính ổn định tương đối, gắn liền với hành vi và cách thức phản ứng của mỗi cá nhân trong các bối cảnh khác nhau [9]. Những đặc điểm này không chỉ ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi chung mà còn tác động trực tiếp đến hành vi nghề nghiệp của sinh viên kế toán. Dựa trên lý thuyết của Kohlberg (1969), các đặc điểm cá nhân có vai trò quan trọng trong việc hình thành khả năng đưa ra quyết định phù hợp về mặt đạo đức, cũng như định hướng niềm tin và cách ứng xử trong các tình huống liên quan đến đạo đức nghề nghiệp.

2.2.2. Chương trình giáo dục

Chương trình giáo dục là hệ thống các hoạt động đào tạo được thiết kế và tổ chức nhằm đạt được những mục tiêu giáo dục nhất định, đồng thời cung cấp nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết cho người học. Chương trình giáo dục bao gồm mục tiêu đào tạo, cấu trúc nội dung, phương pháp giảng dạy và phương thức đánh giá kết quả học tập. Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình đào tạo trình độ đại học phải được xây dựng, thẩm định và ban hành theo các tiêu chuẩn chung nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (Điều 2 Thông tư 17 ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học).

2.2.3. Văn hóa xã hội

Văn hóa có thể hiểu là những giá trị và niềm tin chung của một nhóm cá nhân [10]. Văn hóa xã hội

cũng được hình thành từ sự giao tiếp và tương tác giữa các cá nhân, nhóm xã hội, và tổ chức trong xã hội đó, đồng thời nó cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gần gũi như gia đình, bạn bè hay truyền thông. Văn hóa xã hội không chỉ là sự hiểu biết về các giá trị và chuẩn mực mà còn là cách thức thể hiện và áp dụng chúng trong thực tế. Chẳng hạn, trong ngành kế toán, văn hóa xã hội có thể ảnh hưởng đến việc tuân thủ các quy tắc đạo đức, sự trung thực trong báo cáo tài chính và cách các kế toán viên thực hiện công việc của mình.

2.2.4. Quy định pháp luật

Quy định pháp luật là hệ thống các quy tắc và quy định mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có tính bắt buộc đối với các cá nhân, tổ chức trong xã hội. Theo đó, Luật Kế toán [11] và Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Kế toán, Kiểm toán [12] là hai khuôn khổ quan trọng đối với các kế toán viên, những văn bản này cung cấp hướng dẫn chung nhất về đạo đức giúp các kế toán viên giải quyết các trường hợp khó xử liên quan đến đạo đức, giúp kế toán viên hiểu biết và nâng cao nhận thức để tránh dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng không đáng có trong tương lai.

2.3. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Lý thuyết phát triển đạo đức của Kohlberg (1969) nhấn mạnh rằng độ tuổi, kinh nghiệm và sự phát triển nhận thức có vai trò quan trọng trong việc hình thành các phán đoán và hành vi đạo đức. Ngoài ra, các nghiên cứu thực nghiệm trước đây cũng củng cố vai trò của đặc điểm cá nhân trong việc hình thành nhận thức đạo đức. Theo tổng quan của O'Fallon và Butterfield (2005) dựa trên các nghiên cứu giai đoạn 1996 - 2003, có 49 nghiên cứu ghi nhận tác động của giới tính đến quá trình ra quyết định đạo đức. Bên cạnh giới tính, độ tuổi cũng được nhiều học giả xem là một biến số quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển phán đoán đạo đức và mức độ trưởng thành trong quyết định đạo đức [7, 13]. Từ những cơ sở lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

Giả thuyết H₁: Đặc điểm cá nhân có tác động tích cực đến nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên ngành kế toán.

Những nghiên cứu trước đã chỉ ra được cần tăng

cường các buổi giảng dạy về giáo dục đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán cho sinh viên [14, 15]. Một chương trình hợp lý sẽ không chỉ giới thiệu các khái niệm cơ bản mà còn cung cấp cơ hội cho sinh viên thảo luận và thực hành thông qua các bài tập mô phỏng và nghiên cứu tình huống [2]. Việc giảng dạy về đạo đức nghề nghiệp có thể thay đổi thái độ và hành vi đạo đức [16, 17]. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

Giả thuyết H₂: Chương trình giáo dục có tác động tích cực đến nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên ngành kế toán.

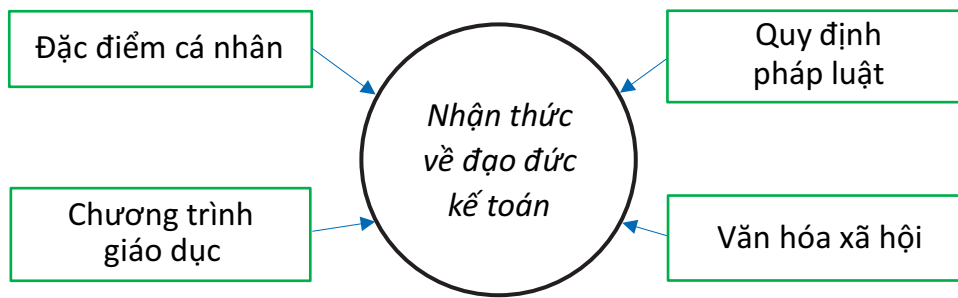
Môi trường văn hóa xã hội, bao gồm các chuẩn mực đạo đức, giá trị truyền thống, tác động từ gia đình, bạn bè và truyền thông, có thể định hướng cách sinh viên đánh giá các tình huống đúng - sai. Trong một môi trường đề cao tính trung thực, trách nhiệm và liêm chính, sinh viên có xu hướng hình thành hành vi đạo đức cao hơn. Ngược lại, môi trường xã hội dễ dãi hoặc chấp nhận hành vi gian lận có thể làm suy giảm chuẩn mực đạo đức của sinh viên. Các nghiên cứu trước cũng chứng minh cho nhận định trên [3 - 7]. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

Giả thuyết H₃: Văn hóa xã hội có tác động tích cực đến nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên ngành kế toán.

Quy định pháp luật là một yếu tố then chốt cho việc hình thành nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên. Khi các yêu cầu pháp lý được đưa vào đào tạo và thực thi, sinh viên không chỉ nắm rõ ranh giới giữa hành vi hợp pháp và vi phạm mà còn hình thành thái độ tích cực đối với việc tuân thủ tiêu chuẩn nghề nghiệp. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cho thấy chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật có tác dụng giảm hành vi không đạo đức ở các kế toán viên, hàm ý rằng khuôn khổ pháp lý và chuẩn mực nghề nghiệp có thể hoạt động như cơ chế răn đe và định hướng hành vi [4, 7, 18]. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

Giả thuyết H₄: Quy định pháp luật có tác động tích cực đến nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên ngành kế toán.

Từ các giả thuyết nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu được kế thừa từ các nghiên cứu trước, tiêu biểu là Alleyne và cộng sự (2014) và một số nghiên cứu trong nước về đạo đức nghề nghiệp kế toán, đồng thời được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của nhân tố Quy định pháp luật nhằm phản ánh đặc thù môi trường pháp lý và mức độ tuân thủ trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam, nơi mà khung pháp lý và chuẩn mực nghề nghiệp có ảnh hưởng mạnh đến nhận thức và hành vi đạo đức của sinh viên cũng như kế toán viên tương lai.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo sử dụng thang đo được kế thừa từ nghiên cứu của Philmore Alleyne và cộng sự (2014) nhằm đo lường các nhân tố tác động đến nhận thức đạo đức của sinh viên kế toán - những kế toán viên tiềm năng trong tương lai [19]. Nghiên cứu được thực hiện bằng cách thu thập thông tin thông qua bảng câu hỏi gửi đến sinh viên đang theo học tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thuộc chuyên ngành Kế toán. Sau khi hoàn tất quá trình thu thập dữ liệu, các bước tổng hợp và phân tích được thực hiện bằng phần mềm SPSS. Các biến nghiên cứu được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức, với các mức độ từ 1 - hoàn toàn không đồng ý đến 5 - hoàn toàn đồng ý. Thang đo được sử dụng để đo lường giá trị các yếu tố đã được xác định về nhận thức đạo đức kế toán của sinh viên. Phần câu hỏi thông tin cá nhân gồm giới tính, tên trường học và năm học.

3.1. Chọn mẫu và xác định cỡ mẫu

Trong nghiên cứu, nhóm tác giả áp dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) kết hợp với phân tích hồi quy để kiểm định các mối quan hệ giữa các biến nghiên cứu. Đối với phân tích nhân tố khám phá, cỡ mẫu tối thiểu được xác định theo nguyên tắc $N > 5 \cdot x$, trong đó x là tổng số biến

quan sát [20]. Đối với phân tích hồi quy, kích thước mẫu tối thiểu được xác định theo công thức $N \geq 50 + 8m$ với m là số biến độc lập.

Áp dụng các tiêu chí trên cho mô hình nghiên cứu đề xuất, với 19 biến quan sát và 4 biến độc lập, cỡ mẫu tối thiểu cần thiết được xác định là $N > (5 \cdot 19; 50 + 8 \cdot 4) = 95$ quan sát. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiến hành khảo sát các sinh viên chuyên ngành Kế toán đang theo học tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Đặc điểm mẫu khảo sát

Tổng số phiếu thu được cho nghiên cứu ban đầu là 127 phiếu, sau khi tiến hành loại bỏ đi các phiếu trả lời không phù hợp, qua bước làm sạch dữ liệu chỉ có 104 phiếu hợp lệ (vẫn thỏa điều kiện để thực hiện các phân tích nhân tố và hồi quy). Đặc điểm mẫu được trình bày cụ thể trong Bảng 1.

Bảng 1. Bảng thống kê mẫu khảo sát

Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số	104	100%
Giới tính		
Nam	23	22.1%
Nữ	81	77.9%
Trường học		
Đại học Sài Gòn	52	50%
Trường Kinh doanh UEH	15	14.4%
Khác	37	35.6%
Năm học		
Năm 1	3	2.9%
Năm 2	12	11.5%
Năm 3	28	26.9%
Năm 4	61	58.7%

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu này, các thang đo được đánh giá thông qua ba bước phân tích chính, bao gồm: (i) kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số

Cronbach's alpha, (ii) phân tích nhân tố khám phá (EFA), và (iii) phân tích hồi quy đa biến nhằm kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

phương pháp Cronbach's alpha trước khi tiến hành các bước phân tích tiếp theo. Kết quả cho thấy tất cả các thang đo ban đầu đều đạt mức độ tin cậy chấp nhận được, với hệ số Cronbach's alpha đều lớn hơn 0.7. Các kết quả chi tiết của kiểm định độ tin cậy được trình bày trong Bảng 2.

4.1. Kiểm định Cronbach's alpha

Độ tin cậy của các thang đo được kiểm định bằng

Bảng 2. Tổng hợp hệ số Cronbach's alpha

Thang đo	Biến quan sát	Mã hóa	Hệ số Cronbach's alpha
Đặc điểm cá nhân	Mức độ trung thực có ảnh hưởng đến nhận thức đạo đức nghề nghiệp kế toán của sinh viên	CN1	0.905
	Phong cách và lối sống có ảnh hưởng đến nhận thức đạo đức nghề nghiệp kế toán của sinh viên	CN2	
	Trình độ học vấn có ảnh hưởng đến khả năng phân tích và nhận thức đạo đức của sinh viên	CN3	
	Độ tuổi có ảnh hưởng đến cách tiếp cận và đánh giá các vấn đề liên quan đến đạo đức nghề nghiệp	CN4	
Chương trình giáo dục	Các môn học chuyên ngành có ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp	DT1	0.922
	Giảng viên chú trọng truyền đạt các kiến thức liên quan đến đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên	DT2	
	Các khoá học bổ sung có thể giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về đạo đức nghề nghiệp	DT3	
	Tham gia hội thảo về đạo đức nghề nghiệp có ảnh hưởng đến việc nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của sinh viên	DT4	
Quy định pháp luật	Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp được ban hành có ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp kế toán	PL1	0.945
	Những quy định xử phạt trong kế toán ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp	PL2	
	Các quy định hành nghề kế toán ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp	PL3	
	Mức độ hiểu biết của cá nhân về các quy định ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp	PL4	
Văn hóa xã hội	Truyền thông xã hội ảnh hưởng đến nhận thức kế toán của sinh viên	VH1	0.904
	Môi trường sống ảnh hưởng đến nhận thức kế toán của sinh viên	VH2	
	Hành vi và cách ứng xử của những người xung quanh ảnh hưởng đến nhận thức kế toán của sinh viên	VH3	
Nhận thức đạo đức nghề nghiệp	Những đặc điểm cá nhân của bản thân có ảnh hưởng đến nhận thức đạo đức nghề nghiệp của sinh viên	NT1	0.993
	Chương trình giáo dục tốt sẽ góp phần hình thành và nâng cao nhận thức đạo đức nghề nghiệp của sinh viên	NT2	
	Quy định pháp luật ảnh hưởng đến việc hiểu và áp dụng đạo đức nghề nghiệp của sinh viên	NT3	
	Các yếu tố về kinh tế - xã hội góp phần định hướng cho suy nghĩ và nhận thức đạo đức nghề nghiệp của sinh viên	NT4	

4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

4.2.1. Phân tích nhân tố khám phá cho biến độc lập

Các biến độc lập bao gồm: Đặc điểm cá nhân (CN), Chương trình giáo dục (DT), Văn hóa xã hội (VH), Quy định Pháp luật (PL) được đưa vào phân tích EFA. Kết quả phân tích được trình bày cụ thể trong Bảng 3.

Từ Bảng 3 cũng cho ta thấy, tất cả các biến đều có hệ số tải > 0.5, các biến quan sát đều đạt giá trị về giá trị hội tụ và đo lường được các nhân tố trong mô hình nghiên cứu.

Kiểm định KMO và Bartlett trong phân tích nhân tố

cho thấy $KMO = 0.793 > 0.5$, đây là điều kiện đủ để phân tích nhân tố.

Ta thấy, kiểm định Bartlett's có ý nghĩa thống kê khi $Sig. < 0.05$, cụ thể ở Bảng 4 có $Sig. 0.000 < 0.05$, khẳng định các biến quan sát tồn tại mối tương quan tuyến tính, đảm bảo điều kiện cần cho EFA.

Tổng phương sai trích (Total Variance Explained) đạt $82.567\% > 50\%$ cho biết các nhân tố được rút trích ra có thể giải thích được 82.567% biến thiên của dữ liệu. Trị số Eigenvalue nhỏ nhất là $2.283 > 1$, mô hình có 4 nhân tố có ý nghĩa trong phân tích EFA.

Bảng 3. Tổng hợp kết quả phân tích EFA đối với biến độc lập

Biến độc lập	Thành phần			
	1	2	3	4
PL3	0.939			
PL1	0.926			
PL4	0.917			
PL2	0.902			
DT1		0.914		
DT4		0.909		
DT2		0.897		
DT3		0.853		
CN2			0.909	
CN3			0.906	
CN1			0.856	
CN4			0.841	
VH2				0.921
VH1				0.920
VH3				0.898

Bảng 4. Kiểm định KMO và kiểm định Bartlett

Hệ số KMO		0.793
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	1,218.977
	df	105
	Sig.	0.000

4.2.2. Phân tích EFA biến phụ thuộc "Nhận thức về đạo đức nghề nghiệp"

Biến phụ thuộc Nhận thức về đạo đức nghề nghiệp (NT) được đo lường bởi 4 biến quan sát. Kết quả chạy phân tích EFA cho biến này được tổng hợp tại Bảng 5.

Tương tự các biến độc lập, kiểm định KMO và Bartlett's trong phân tích nhân tố cho biến phụ thuộc "Nhận thức về đạo đức nghề nghiệp" cho thấy hệ số KMO = $0.858 (> 0.5)$ và giá trị Sig. trong thống kê Bartlett's là 0.000, cho thấy dữ liệu là phù hợp để tiến hành phân tích.

Có một nhân tố được rút trích từ phân tích EFA cho

biến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp, điều này là phù hợp với lý thuyết và thang đo ban đầu. Phương sai trích đạt $97.920\% > 50\%$, giá trị Eigenvalue = $3.917 > 1$, đạt yêu cầu.

Bảng 5. Kết quả phân tích biến phụ thuộc

Biến phụ thuộc	Thành phần
	1
NT4	0.995
NT3	0.994
NT2	0.987
NT1	0.982

Bảng 6. Kiểm định KMO và kiểm định Bartlett

Hệ số KMO		0.858
Kiểm định Bartlett's	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	1,026.011
	df	6
	Sig.	0.000

4.2.3. Phân tích hồi quy đa biến

Phân tích hồi quy đa biến được thực hiện nhằm xác định mức độ tác động của các biến độc lập (CN, DT, PL, VH) đến biến phụ thuộc là nhận thức đạo đức (NT). Kết quả hồi quy được trình bày trong Bảng 7.

Kết quả cho thấy mô hình hồi quy có mức độ phù hợp cao, với hệ số xác định hiệu chỉnh (Adjusted R²) đạt 0.895, cho thấy các biến độc lập giải thích

được 89.5% sự biến thiên của nhận thức đạo đức. Kiểm định F có giá trị Sig. = 0.000 < 0.05, khẳng định mô hình là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Xét từng biến, các biến CN, DT và PL đều có tác động dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 5% (Sig. < 0.05), do đó các giả thuyết H1, H2 và H4 được chấp nhận. Ngược lại, biến VH không có ý nghĩa thống kê (Sig. = 0.828 > 0.05), nên giả thuyết H3 bị bác bỏ.

Bảng 7. Kết quả mô hình hồi quy các nhân tố tác động

	Mô hình	Hệ số β chuẩn hoá	Mức ý nghĩa Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
				Hệ số Tolerance	VIF
1	(Constant)		0.000		
	CN	0.426	0.000	0.945	1.058
	DT	0.279	0.000	0.937	1.067
	PL	0.752	0.000	0.940	1.064
	VH	-0.008	0.828	0.969	1.032

Ta thấy, nhân tố quy định pháp luật có ảnh hưởng mạnh nhất đến với nhận thức đạo đức kế toán (hệ số hồi quy beta 0.752), tiếp đến nhân tố Đặc điểm cá nhân có sự tác động mạnh thứ hai (hệ số hồi quy beta 0.426), nhân tố Chương trình giáo dục có tác động mạnh thứ ba (hệ số hồi quy beta 0.279) và nhân tố Văn hóa xã hội không tác động vì Sig. = 0.828 > 0.05 của sinh viên Kế toán địa bàn TP.HCM. Theo lý thuyết phát triển đạo đức của Kohlberg (1969), ở cấp độ quy ước, nhận thức đạo đức bị chi phối mạnh bởi các quy tắc pháp luật và xã hội, con người có xu hướng hành xử đúng vì muốn được xã hội công nhận và tránh vi phạm quy định. Đó là lý do vì sao nhân tố quy định pháp luật có ảnh hưởng dương đến nhận thức đạo đức kế toán, kết quả nghiên cứu ủng hộ giả thuyết H4 và trùng với nghiên cứu của O'Brien cũng cho thấy pháp luật có tác động lớn và đóng vai trò tất yếu trong việc định hướng nhận thức hành vi đạo đức [21]. Tiếp đến, là nhóm nhân tố đặc điểm cá nhân và chương trình giáo dục cũng có ảnh hưởng cùng chiều đến nhận thức kế toán, ủng hộ giả thuyết H1 và H2, những nghiên cứu đi trước cũng chỉ ra đặc điểm cá nhân và giáo dục

đạo đức có tác động tích cực đến nhận thức đạo đức kế toán [2, 16]. Điều này phù hợp với lý thuyết Kohlberg (1969), từ giai đoạn quy ước tới hậu quy ước. Theo đó, tuổi tác, trình độ, kinh nghiệm, môi trường học tập và chương trình giáo dục ảnh hưởng đến quá trình phát triển đạo đức của từng cá nhân, giúp nâng cao khả năng phân tích và đưa ra quyết định đạo đức nghề nghiệp. Trong khi đó, chỉ có nhân tố văn hóa xã hội lại có ảnh hưởng âm đến nhận thức đạo đức của sinh viên nhưng không đạt ý nghĩa thống kê, không ủng hộ giả thuyết H3. Kết quả này khác với nghiên cứu của Trần Phước và cộng sự (2022) [3] khi cho rằng môi trường văn hóa - xã hội có ảnh hưởng đến hành vi đạo đức nghề nghiệp. Sự khác biệt có thể được lý giải bởi đối tượng nghiên cứu là sinh viên đang theo học tại các trường đại học trong cùng một khu vực đô thị lớn, nơi có mức độ tương đối đồng nhất về môi trường sống, truyền thông và các giá trị xã hội. Sự đồng nhất này có thể làm giảm mức độ khác biệt trong nhận thức đạo đức chịu ảnh hưởng từ yếu tố văn hóa - xã hội. Ngoài ra, theo lý thuyết phát triển đạo đức của Kohlberg (1969), sinh viên đại học thường đang ở giai đoạn đạo

đức quy ước, trong đó hành vi và nhận thức đạo đức chủ yếu chịu sự chi phối bởi các quy tắc chính thức, luật lệ và chuẩn mực được thể chế hóa. Do đó, các yếu tố như quy định pháp luật và chương

trình giáo dục có xu hướng tác động mạnh hơn so với các chuẩn mực văn hóa - xã hội.

Điều này được minh họa thông qua mức độ tác động của từng nhân tố, được trình bày trong Bảng 8.

Bảng 8. Thứ tự mức độ tác động của các nhân tố

Nhân tố	Tên nhân tố	Hệ số β chuẩn hoá	Mức ảnh hưởng từ cao xuống thấp
PL	Quy định pháp luật	0.752	1
CN	Đặc điểm cá nhân	0.426	2
DT	Chương trình giáo dục	0.279	3

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức kế toán của sinh viên ngành kế toán tại các trường đại học trên địa bàn TP.HCM, lần lượt là quy định pháp luật, đặc điểm cá nhân và chương trình giáo dục. Những phát hiện chính này có thể giúp cho người đọc hiểu rõ hơn về các nhân tố có ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức của sinh viên kế toán và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố.

Từ những kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm cải thiện và nâng cao nhận thức đạo đức nghề nghiệp của sinh viên kế toán tại các trường đại học trên địa bàn TP.HCM như sau:

Đặc điểm cá nhân là nhân tố có ảnh hưởng đáng kể đối với nhận thức đạo đức kế toán của sinh viên. Vậy nên để tăng cường giáo dục nhận thức cá nhân, khuyến khích tự giác học hỏi và đề cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, ta có thể thực hiện một số giải pháp như nâng cao giá trị cá nhân bằng cách thúc đẩy các giá trị như sự cố gắng, tôn trọng và trách nhiệm trong sinh viên, khuyến khích sự ấm cúng, tình bằng hữu và tinh thần hợp tác trong môi trường học tập. Ngoài ra, có thể thúc đẩy hành vi đạo đức thông qua tổ chức các chương trình hướng nghiệp thực tập với công ty có văn hóa doanh nghiệp chú trọng đạo đức, khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện để xây dựng nhân cách và lòng trắc ẩn.

Chương trình giáo dục là nền tảng quan trọng giúp kế toán viên hiểu rõ và vận dụng đúng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Để làm tốt hơn điều này, ngoài việc giảng dạy trên lớp, việc giảng dạy về đạo đức cần được chú trọng hơn thông qua việc lồng ghép nhiều hơn về kiến thức đạo đức với các hành vi gian lận, đưa ra các tình huống thực tế nổi bật ở trong và ngoài nước hay có thể tổ chức các

chương trình thực hành đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, đưa đánh giá đạo đức vào chuẩn đầu ra và tiêu chí tốt nghiệp. Đây sẽ là bước đi mới để giáo dục đạo đức trở thành một phần trong quá trình đào tạo.

Quy định pháp luật có tác động mạnh nhất đến nhận thức đạo đức nghề nghiệp của sinh viên, nó góp phần định hướng cũng như điều chỉnh hành vi của sinh viên nhằm nâng cao tính minh bạch và tinh thần trách nhiệm. Để được như vậy, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau: Thứ nhất, nhà trường nên phối hợp cùng với những chuyên gia trong ngành, doanh nghiệp cũng như các tổ chức nghề nghiệp về kế toán - kiểm toán để thường xuyên tổ chức những buổi chuyên đề, tiết học pháp luật về kế toán giúp sinh viên hiểu mối quan hệ giữa tuân thủ pháp luật và hành vi đạo đức trong ngành kế toán cũng như kiểm toán. Thứ hai, tổ chức các tình huống giả định về các vụ gian lận kế toán (như làm sai báo cáo tài chính, trốn thuế, lập chứng từ giả, ...) nhằm mục đích cho sinh viên thảo luận, phân tích nguyên nhân, trách nhiệm và hình phạt theo luật. Từ đó nâng cao ý thức tuân thủ và trách nhiệm nghề nghiệp để sinh viên hiểu rõ rằng hành vi phi đạo đức có thể dẫn đến trách nhiệm pháp lý nghiêm trọng, gây hậu quả cho cả tập thể doanh nghiệp thậm chí ảnh hưởng đến nền kinh tế xã hội chứ không chỉ có tác động xấu đến một cá nhân.

Nghiên cứu cho thấy nhân tố *Văn hóa xã hội* chưa có ảnh hưởng về mặt thống kê. Nhưng trên thực tế, môi trường văn hóa xã hội vẫn có vai trò rất yếu trong việc định hình chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Vì thế, ta nên tăng cường truyền thông xã hội tích cực về nhận thức và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp ngành kế toán. Ngoài việc giảng dạy về đạo đức nghề nghiệp trên trường, sinh viên có thể

tích cực tham gia các hoạt động từ đoàn khoa, các hoạt động truyền tải thông điệp tích cực về chuẩn mực, đạo đức ngành, lắng nghe những chia sẻ, phản hồi thực tế từ những người nổi tiếng, có nhiều kinh nghiệm trong ngành. Xây dựng và lan tỏa nhiều tấm gương tiêu biểu để sinh viên học tập và noi theo, các giảng viên giảng dạy là những tấm gương đầu tiên các sinh viên tiếp xúc, là người sẽ giúp sinh viên xác định rõ hướng đi, nhận thức và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp ngành kế toán.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, cỡ mẫu nghiên cứu còn tương đối nhỏ và tập trung chủ yếu tại một số trường đại học trên địa bàn TP.HCM, như Trường Đại học Sài Gòn chiếm 50% cỡ mẫu, do

đó khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu còn hạn chế. Thứ hai, phương pháp chọn mẫu thuận tiện có thể dẫn đến sai lệch mẫu và chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm của tổng thể sinh viên ngành kế toán. Trong tương lai, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát sang các địa phương khác, tăng kích thước mẫu và kết hợp các phương pháp phân tích nâng cao nhằm kiểm định sâu hơn mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức kế toán.

LỜI CẢM ƠN

Bài báo là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên mã số SVB2025-069 được tài trợ bởi Trường Đại học Sài Gòn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] P. Metis, "The Anatomy of Fraud - Insights from the 2020 ACFE Global Study on Occupational Fraud," Prager Metis, 2020. [Online]. Available: <https://pragermetis.com/insights/anatomy-fraud-insights-2020-acfe-global-study-occupational-fraud/>.

[2] P. T. Dịu, T. H. Anh, H. T. Hằng, N. T. T. Mai, & N. T. Tiên, "Tác động của việc giảng dạy chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán đến khả năng ra quyết định mang tính đạo đức của sinh viên," *FTU Working Paper Series*, vol. 1, no. 1, pp. 1-10, 2025. [Online]. Available: <https://fwps.ftu.edu.vn/2025/03/09/tac-dong-cua-viec-giang-day-chuan-muc-dao-duc-nghe-nghiep-ke-toan-kiem-toan-den-kha-nang-ra-quyet-dinh-mang-tinh-dao-duc-cua-sinh-vien/>.

[3] T. Phước, P. T. K. Ánh, & P. T. M. Phương, "Các nhân tố ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp người làm kế toán kiểm toán - Nghiên cứu thực nghiệm tại TP.HCM," *Tạp chí Tài chính & Kế toán*, vol. 10, no. 3, pp. 45-60, 2022.

[4] N. T. N. Lan, & Đ. T. B. Phượng, "Các nhân tố ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp kế toán trong các công ty xây lắp trên địa bàn thành phố Hà Nội," *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*, vol. 60, no. 11, pp. 289-300, 2024.

[5] N. V. Hải, D. V. Minh, T. T. M. Dung, T. V. Thanh, & N. T. Sơn, "Các nhân tố ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp của nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai," *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 2024 <https://kinhtevadubao.vn/cac-nhan-to-anh-huong-den-dao-duc-nghe-nghiep-cua-nhan-vien-ke-toan-tai-cac-doanh-nghiep-nho-va-vua-tren-dia-ban-tinh-dong-nai-30329.html>.

[6] N. N. Giàu, "Nâng cao nhận thức đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0: Nghiên cứu điển hình tại trường đại học Thủ Dầu Một," *Tạp chí Kinh tế & Quản trị kinh doanh*, vol. 18, pp. 17-26, 2021.

[7] L. P. N. Hiền, P. T. N. Anh, & V. T. T. Anh, "Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán, Trường Đại học Kiên Giang," *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, 2023, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/12/21/cac-nhan-to-anh-huong-den-nhan-thuc-ve-dao-duc-nghe-nghiep-cua-sinh-vien-nganh-ke-toan-truong-dai-hoc-kien-giang/>.

[8] L. Kohlberg, "Stage and sequence: The cognitive-developmental approach to socialization," *Handbook of Socialization Theory and Research*. Chicago, IL: Rand McNally, 1969.

[9] N. T. M. Hằng, "Các đặc điểm cá nhân và ý nghĩa của chúng trong quá trình xã hội hoá của trẻ em," *Tạp chí Tâm lý học (Journal of Psychology)*, vol. 12, no. 4, pp. 34-40, 2005. [Online]. Available: <http://vjol.info.vn/index.php/TLH/article/download/7656/7166/>.

[10] J. Cohen, L. Pant, & D. Sharp, "Cultural and socioeconomic constraints on international codes of ethics: Lessons from accounting," *Journal of Business Ethics*, vol. 11, no. 9, pp. 687-700, 1992.

[11] Quốc hội, *Luật Kế toán*, Luật số 88/2015/QH13, ban hành ngày 20-11-2015. [Online]. Available: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198>.

- [12] Bộ Tài chính, *Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán*, Ban hành kèm theo Thông tư số 70/2015/TT-BTC ngày 08-5-2015. [Online]. Available: <https://vbpq.mof.gov.vn/DKC.FileManagement/FileStorage/File/18645>.
- [13] M. O'Fallon, & K. Butterfield, "A review of the empirical ethical decision-making literature: 1996-2003," *Journal of Business Ethics*, vol. 59, pp. 375-413, 2005.
- [14] S. D. Hunt, & S. Vitell, "A general theory of marketing ethics," *Journal of Macromarketing*, vol. 6, pp. 5-16, 1986.
- [15] R. M. Onumah, S. N. Y. Simpson, & A. Kwarteng, "The effects of ethics education interventions on ethical attitudes of professional accountants: Evidence from Ghana," *Accounting Education*, 2021.
- [16] I.E. Ebaid, "Ethics and accounting education: does teaching stand-alone religious courses affect accounting students' ethical decisions?," *Society and Business Review*, vol. 17, no. 3, pp. 354-372, 2022, doi: <https://doi.org/10.1108/SBR-07-2021-0102>.
- [17] P. O. Okougbo, E. N. Okike, & A. Alao, "Accounting ethics education and the ethical awareness of undergraduates: an experimental study," *Accounting Education*, vol. 30, no. 3, pp. 258-276, 2021, <https://doi.org/10.1080/09639284.2021.1888135>.
- [18] M. S. Hermawan, & K. Kokthunarina, "Factors influencing accounting students' perception of accounting ethics: An empirical study in Indonesia," *Jurnal Akuntansi dan Bisnis*, vol 18, no. 2, pp. 88 - 97, 2018.
- [19] Alleyne, P., D. Weekes-Marshall, S. Estwick and R. Chaderton, "Factors Influencing Ethical Intentions Among Future Accounting Professionals in the Caribbean", *Journal of Academic Ethics*, vol. 12, no. 2, pp. 129-144, 2014.
- [20] Hair, J., Anderson, R., Tatham, P., and Black, W., *Multivariate Data Analysis, 6th ed.*, Prentice- Hall, Upper Saddle River, N.J., 2006.
- [21] C. N. O'Brien, "The Legal Environment of the Accounting Profession," *Duquesne Law Review*, vol. 25, pp. 283-297, 1987.

Factors influencing accounting ethics awareness of accounting students

Vo Pham Dan Trinh, Nguyen Hoang Yen, Nguyen Bao Yen,
Huynh Thi Be Tu, Ngo Thi Ngoc Anh, Le Thi Bao Nhu

ABSTRACT

This study examines the factors influencing accounting ethics awareness among accounting students at universities in Ho Chi Minh City. Based on a survey of 104 accounting students and regression analysis conducted using SPSS, the findings indicate that legal regulations constitute the most influential factor affecting students' ethical awareness, making a substantial contribution to the formation of ethical behavior. Personal characteristics and educational programs are found to have a moderate impact, whereas socio-cultural factors appear to exert little to no influence on accounting students' ethical awareness in this context. Based on these findings, the study proposes several recommendations to enhance accounting ethics awareness among accounting students at universities in Ho Chi Minh City.

Keywords: *accounting, students, ethical awareness, Ho Chi Minh City*

Received: 12/12/2025

Revised: 26/01/2026

Accepted for publication: 02/02/2026